

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2025/HC-PT

Ngày: 24 - 4 - 2025

V/v khiếu kiện huỷ quyết định giải quyết
khiếu nại và quyết định hành chính trong
lĩnh vực hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt
bằng.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Xuân Thảo

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 655/2024/TLPT-HC ngày 29 tháng 11 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 77/2024/HC-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3883/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Khu dân cư T, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 1, Khu 1, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức N, ông Bạch Văn Đ và bà Hồ Thị T, là Luật sư Công ty TNHH N; Địa chỉ: Số 22 N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (Có mặt bà Thơ).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Đường 20/8 thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng;

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Đường 20/8 thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của ủy ban nhân dân huyện V và Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện V: Ông Vũ Xuân Q- Phó Chủ tịch UBND huyện V, thành phố Hải Phòng, theo Văn bản ủy quyền số 08/VB-UQ ngày 16/5/2024 (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phía người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Phạm Văn S bị Ủy ban nhân dân huyện V thu hồi 42,5m² đất đang sử dụng tại khu dân cư T, thị trấn V để thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V. Thửa đất bị thu hồi là tài sản chung của vợ chồng ông S. Vào thời điểm thu hồi đất, gia đình ông S gồm 07 nhân khẩu đang sinh sống trên đất gồm ông S và vợ là bà Trần Thị L, vợ chồng con trai anh Phạm Ca L1, chị Huỳnh Thị Thuý D, ba cháu Phạm Minh N, Phạm Hà N1 và Phạm Trí N2.

Ông S đã bàn giao mặt bằng diện tích 42,5m² đất trên thực tế cho Ủy ban nhân dân huyện V thực hiện dự án nhưng theo Quyết định thu hồi đất số 2277/QĐ- UBND ngày 11/5/2023, ông S bị thu hồi diện tích đất là 16,8m² đất thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 51 và tại Quyết định thu hồi đất bổ sung số 4932a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 hộ ông S bị thu hồi bổ sung diện tích 9,1m² đất ở tại thửa đất số 28(2), tờ bản đồ số 51 bản đồ giải thửa thị trấn V. Ông S không đồng ý với một số nội dung tại phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông. Vì vậy ông S đã có đơn khiếu nại Phương án bồi thường, hỗ trợ sau khi thu hồi đất của gia đình ông gửi tới Ủy ban nhân dân huyện V. Ngày 29/12/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 7391/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Văn S có nội dung: "Giữ nguyên các Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023; 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án khu dân cư tại thị trấn V, thành phố Hải Phòng, Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc cưỡng chế thu hồi đất".

Ông S không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ sau khi thu hồi đất

của gia đình ông và nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 7391/QĐ-UBND vì: Theo các Quyết định hành chính áp dụng với gia đình ông phần diện tích 16,6m² đất tăng thêm gia đình ông không được bồi thường về đất, tại phần 1.3 Quyết định số 7391/QĐ-UBND có nội dung "Phần diện tích 16,6m² là đất công (sổ mục kê, bản đồ giải thửa năm 1996 thể hiện là đất hoang, chủ sử dụng là tập thể) hộ gia đình ông Phạm Văn S tự khoan bao sử dụng sau khi tách thửa năm 2012, UBND xã không giao, không cho thuê, không thu tiền sử dụng đất nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013". Nội dung này là không chính xác về thời điểm sử dụng đất đối với phần diện tích 16,6m² đất tăng thêm của gia đình ông S. Phần diện tích 16,6m² đất tăng thêm hiện thuộc vị trí cổng nhà ông S. Vào khoảng trước năm 1960, diện tích đất này thuộc quản lý của Hợp tác xã Đ, sau khi Hợp tác xã đào và mức đất tại phần đất này để lấy đất làm sân kho nên khu vực đất này trở thành một cái trũng rất to trước cửa nhà ông S và thường xuyên ngập nước, dân cư xung quanh thấy có hố trũng nên xả rác thải sinh hoạt vào gây mất vệ sinh và mỹ quan. Nhận thấy đất bỏ không, hoang hóa nên ông S đã dọn rác thải, mua đất về bồi đắp lên để gia đình sử dụng. Gia đình ông S sử dụng đất ổn định, công khai, liên tục, không tranh chấp. Khi gia đình ông xây dựng công trình trên đất không bị xử phạt hành chính, không có văn bản ngăn chặn, yêu cầu chấm dứt việc sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền và bản thân gia đình ông sử dụng diện tích 16,6m² đất này từ trước năm 1993 đến thời điểm có thông báo thu hồi đất. Do vậy, đối với phần diện tích 16,6m² đất tăng thêm, mặc dù không có giấy tờ tài liệu gì để chứng minh nhưng gia đình ông S đã sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1993, đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và được bồi thường theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Vậy nên, việc ông S đề nghị xây dựng phương án bồi thường bổ sung cho gia đình ông đối với phần diện tích đất tăng thêm 16,6m² hoàn toàn là có căn cứ, Ủy ban nhân dân huyện V không xây dựng phương án bồi thường đối với 16,6m² đất tăng thêm cho gia đình ông là sai.

Về đơn giá bồi thường đất ông S khiếu nại đơn giá bồi thường về đất tại Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 2275/QĐ-UBND và Quyết định số 4931a/QĐ-UBND nhưng không được Ủy ban nhân dân huyện V xem xét giải quyết khiếu nại. Theo các phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ là 8.329.000 đồng. Vị trí đất gia đình ông S bị thu hồi

tương đương vị trí đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm với đơn giá 2.400.000 đồng. Tuy nhiên, đơn giá bồi thường về đất của gia đình ông S lại thấp hơn đơn giá bồi thường đối với các hộ gia đình đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm với đơn giá 1.200.000 đồng (hộ đóng thuế đất đơn giá 1.200.000 đồng được áp dụng đơn giá bồi thường về đất là 10.668.000 đồng).

Tại Điều 15 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT quy định về cách xác định vị trí đất như sau: Vị trí được xác định theo từng đường, đoạn đường hoặc khu vực căn cứ vào điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các lợi thế cho sản xuất, kinh doanh trong khu vực, khoảng cách đến trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại trong khu vực. Vị trí càng thuận lợi thì số tiền đóng thuế đất hàng năm càng cao. Tuy nhiên đơn giá đất bồi thường của ông S được xây dựng không căn cứ vào vị trí đất đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Điều này là sai quy định pháp luật bởi mức đóng thuế sử dụng đất hàng năm là một trong những căn cứ quan trọng để xác định giá đất cụ thể.

Mức đóng thuế sử dụng đất hàng năm phụ thuộc vào vị trí của thửa đất. Do vậy gia đình ông S đóng thuế sử dụng đất hàng năm ở mức cao chứng tỏ vị trí đất của gia đình ông thuận lợi hơn, từ đó phải bồi thường về đất với đơn giá bồi thường cao hơn. Việc giá đất cụ thể để bồi thường về đất của gia đình ông lại thấp hơn đơn giá bồi thường đối với các hộ gia đình đóng thuế sử dụng đất hàng năm với đơn giá 1.200 000 đồng (hộ đóng thuế đất đơn giá 1.200.000 đồng được áp dụng đơn giá bồi thường về đất là 10.668.000 đồng) là chưa phù hợp với thực tiễn, không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông S. Tại phiên tòa, ông S yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện V phải xây dựng phương án bồi thường cho ông về phần đơn giá đất đã thu hồi của gia đình ông, theo giá thị trường phần đất ông S bị thu hồi hiện tại có giá là 39.000.000 đồng/m², ông S yêu cầu bồi thường giá đất là bằng 80% giá đất 39.000.000 đồng/m².

Về trình tự thu hồi đất Ủy ban nhân dân huyện V không thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 28, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân huyện V chỉ thực hiện niêm yết Quyết định số 4931a/QĐ-UBND tại trụ sở UBND thị trấn V mà không gửi các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho ông S, ông S không được nhận phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ sau khi thu hồi đất kèm theo Quyết định số 2275/QĐ-UBND và Quyết định số 4931a/QĐ-UBND.

Vì vậy, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên:

+ Huỷ một phần Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với phần đơn giá bồi thường và phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng (kèm theo là Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023);

+ Hủy phần 1.3 tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 7391/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn S;

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện V bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn S đối với phần diện tích đất còn thiếu 16,6m².

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện UBND huyện V và Chủ tịch UBND huyện V thống nhất trình bày:

Ngày 11/5/2023 Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 về việc thu hồi 16,8m² đất ở của hộ ông Phạm Văn S và Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, các phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; Ngày 23/10/2023 ban hành Quyết định số 4932a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc thu hồi bổ sung diện tích 9,1m² đất ở của hộ ông Phạm Văn S và Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V trong đó có hộ ông Phạm Văn S. Ngày 29/8/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất. Không đồng ý với các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành. Không đồng ý với Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, ông Phạm Văn S có đơn khiếu nại Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện V, thành phố Hải Phòng. Ủy ban nhân dân huyện V đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại Thông báo số 1192/TB-UBND ngày 16/10/2023. Đồng thời ngày 16/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện V cũng đã ban hành Quyết định số 4790/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày

29/12/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 7391/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn S, Khu dân cư T, thị trấn V, huyện V đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Về nguồn gốc thửa đất, hiện trạng và quá trình sử dụng đất: Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thị trấn V và hồ sơ quản lý đất đai được lưu trữ tại UBND thị trấn V thể hiện diện tích đất của hộ gia đình ông Phạm Văn S là đất thổ cư có nguồn gốc sử dụng trước ngày 15/10/1993. Tại sổ mục kê, bản đồ giải thửa năm 1996, thể hiện: Hộ ông Phạm Văn S đang sử dụng thửa đất số 28, tờ bản đồ số 51, diện tích 667m², mục đích sử dụng ghi đất thổ cư; chủ sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn S. Ngày 01/7/1997, UBND huyện V đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn S, diện tích 667,0m², mục đích sử dụng đất ở 200,0m², đất vườn 467,0m². Ngày 20/02/2012, ông Phạm Văn S làm thủ tục tặng cho một phần thửa đất số 28, tờ bản đồ số 51, diện tích 113m² cho con gái là chị Phạm Thị M. Ngày 31/07/2012, Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 254017 cho ông Phạm Văn S và vợ là bà Phạm Thị L tại thửa đất số 28(2), tờ bản đồ số 51, diện tích 545,3m², mục đích sử dụng là 150m² đất ở, 395,3m² đất vườn; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 254018 cho bà Phạm Thị M (con gái ông Phạm Văn S) tại thửa đất số 28(1), tờ bản đồ số 51, diện tích 113m², mục đích sử dụng là 50m² đất ở, 63m² đất vườn. Sau khi tách thửa, tổng diện tích thửa đất của ông Phạm Văn S và chị Phạm Thị M giảm 8,7m² so với trước khi tách thửa, lý do giảm là đã cắt 1 phần diện tích đất làm ngõ đi có kích thước 5,8m x 1,5m. Sau khi tách thửa, chị Phạm Thị M, không có nhu cầu mở ngõ đi, ông Phạm Văn S tiếp tục sử dụng một phần diện tích ngõ nêu trên là 4,2m², ngoài ra ông Phạm Văn S còn khoanh bao sử dụng một phần diện tích đất công tiếp giáp với thửa đất của hộ ông S tại thửa 39, tờ bản đồ số 51 để trồng cây.

Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số tỷ lệ 1/500 (thửa đất số 150, tờ bản đồ số 01) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 02/6/2022; Bản đồ giải thửa thị trấn V lập năm 1996; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG254017 mang tên hộ ông Phạm Văn S. Đối chiếu với kết quả đo đạc, kiểm kê, kiểm đếm đất đai, tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với hộ ông Phạm Văn S, xác định: Tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với diện tích đất hộ ông Phạm Văn S đang sử dụng là 42,5m², gồm: 21,7m² đất ở nằm trong GCNQSD đất đã cấp, 4,2m² là đất ngõ đi có nguồn gốc là đất thổ cư

của hộ ông Phạm Văn S trước khi tách thửa năm 2012 và 16,6m² là đất công (đất hoang) do ông Phạm Văn S tự khoanh bao sử dụng, UBND thị trấn V không giao, không cho thuê, không thu tiền sử dụng đất.

Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất của ông Phạm Văn S, Ủy ban nhân dân huyện V đã xây dựng Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ ông Phạm Văn S. Thực hiện công việc, tổ công tác của UBND huyện V và UBND thị trấn V tổ chức kiểm kê, kiểm đếm có sự chứng kiến và xác nhận của chủ hộ, trên cơ sở kết quả kiểm kê kiểm đếm, áp với giá quy định tại Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/09/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi thủy sản, chi phí đầu tư trên đất và mặt nước nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Hội đồng giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đã tính đúng, tính đủ giá trị tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất đủ điều kiện bồi thường theo quy định. Số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc là 69.409.000 đồng, bồi thường, hỗ trợ về cây trồng là 1.348.000 đồng; tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc, cây trồng là 70.757.000 đồng. Tài sản hộ ông Phạm Văn S xây dựng diện tích đất công không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất “*Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”.

Xét báo cáo số 202/BC-TTPTQĐ ngày 20/4/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất về kết quả lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng đối với hộ ông Phạm Văn S; Tờ trình số 322/TTr-LCQ ngày 20/04/2023 của liên cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/05/2023, Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát

triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, trong đó có hộ gia đình ông Phạm Văn S. Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất diện tích $25,9\text{m}^2 \times 8.329.000\text{đ}/\text{m}^2 = 215.721.000$ đồng; về tài sản, vật kiến trúc là 69.409.000 đồng, bồi thường, hỗ trợ về cây trồng là 1.348.000 đồng. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Phạm Văn S là 286.478.000 đồng.

Như vậy diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 đối với hộ ông Phạm Văn S là $21,7\text{m}^2$ diện tích nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; đủ điều kiện bồi thường theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính Phủ là $4,2\text{m}^2$ (đất ngõ đi có nguồn gốc là đất thổ cư của hộ ông Phạm Văn S trước khi tách thửa năm 2012). Phần diện tích $16,6\text{m}^2$ là đất công (sổ mục kê, bản đồ giải thửa năm 1996 thể hiện là đất hoang, chủ sử dụng là tập thể) hộ gia đình ông Phạm Văn S tự khoanh bao sử dụng sau khi tách thửa năm 2012, UBND xã không giao, không cho thuê, không thu tiền sử dụng đất nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 77 của Luật đất đai năm 2013.

Về giá đất bồi thường cho hộ ông Phạm Văn S: Theo bảng giá đất tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố về điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2021-2024) trên địa bàn thành phố. Giá đất ở vị trí 1 tuyến đường từ cổng chợ cũ - Trại Chiều là $2.400.000$ đồng/ m^2 , tương ứng với vị trí nhà ông Phạm Văn S. Căn cứ khoản 2, Điều 114 Luật đất đai năm 2013, Điều 1 Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố, bảng giá đất được sử dụng làm căn cứ trong các trường hợp sau: “a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; a...; b) Tính thuế sử dụng đất;.....”. Từ căn cứ trên, UBND thị trấn V lập phương án thu, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với các hộ gia đình, cá nhân theo tuyến đường, vị trí thửa đất, đơn giá theo bảng giá đất là đúng quy định.

Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 12, 15 Nghị

định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, cụ thể: Đơn vị tư vấn xác định giá đất đã điều tra, khảo sát, xây dựng giá đất cụ thể; Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định tại Văn bản số 220/TTr-STNMT ngày 07/4/2023; Hội đồng thẩm định giá đất thành phố thẩm định tại Văn bản số 208/TB-HĐTĐGD ngày 30/3/2023; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023, phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V.

Căn cứ vào Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ ông Phạm Văn S thuộc vị trí 4 tuyến Quốc lộ 10- đoạn đường từ cầu Tây đến Trạm Y tế thị trấn V; giá đất bồi thường là 8.329.000đ/m² (Bảng giá đất 5 năm 2020-2024 được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 5.210.000đ/m² x hệ số điều chỉnh 1,6).

Việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/05/2023, Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, trong đó có hộ gia đình ông Phạm Văn S áp dụng giá đất là 8.329.000 đồng là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 74 của Luật đất đai năm 2013.

Ông Phạm Văn S có đơn khiếu nại Quyết định cưỡng chế thu hồi đất có nội dung khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông áp dụng giá bồi thường đất thấp 8.329.000 đồng/m². Ủy ban nhân dân huyện V đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu tại Thông báo số 1192/TB-UBND ngày 16/10/2023. Ngày 16/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 4790/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện việc trình tự, thủ tục xác minh và ban hành Quyết định số 7391/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Văn S, khu dân cư T, thị trấn V, huyện V. Như vậy, căn cứ quy định của Luật khiếu nại, Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 7391/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Vì vậy căn cứ Điều 74, Điều 75, Điều 79, 89, 114 của Luật đất đai 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; Điều 6, Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt giá đất cụ thể thực hiện Dự án Phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về việc ban hành Bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điều 19 Quyết định 24/2022/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Công tác bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án Phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với hộ gia đình ông Phạm Văn S đã được Ủy ban nhân dân huyện V, các ngành liên quan của huyện, UBND thị trấn V rà soát, xác minh, tính đúng, tính đủ, đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình. Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, giải quyết khiếu nại đã được Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Tại Bản án số 77/2024/HC-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 187; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62; 66, 67, 69, 71, 74, 75, 79 và Điều 114 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18; Điều 27, Điều 28; Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật khiếu nại;

Căn cứ Điều 15 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ ;

Căn cứ Điều 6, Điều 9, Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính Phủ;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S cụ thể:

Yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định sau:

- Hủy một phần Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với phần đơn giá bồi thường và phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng (kèm theo Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023).

- Hủy phần 1.3 tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 7391/QĐ - UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn S;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh B bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn S đối với phần diện tích đất còn thiếu 16,6m².

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2024, ông Phạm Văn S là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Phạm Văn S không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo.

Sau khi phía người khởi kiện, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: - *Về tố tụng*: Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án số 77/2024/HC-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Ngày 21/8/2024, người khởi kiện Phạm Văn S nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị kiện nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vụ án theo đúng Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết và đối tượng khởi kiện:

Ngày 11/3/2024, ông Phạm Văn S nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các quyết định hành chính của Chủ tịch và UBND huyện V, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định đúng đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án có xem xét các quyết định hành chính có liên quan là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 và một phần Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với phần đơn giá bồi thường và phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

[3.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định: UBND huyện V ban hành Thông báo thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn S. Ngày 11/5/2023, UBND nhân dân huyện V ban hành Quyết định thu hồi đất số 2277/QĐ-UBND và ngày 23/10/2023 ban hành Quyết định số 4932a/QĐ-UBND về việc thu hồi đất bổ sung đối với hộ ông Phạm Văn S là đúng quy định tại các Điều 62, 66, 67 và Điều 71 của Luật đất đai.

[3.1.2] Về nội dung: Theo các Quyết định về việc thu hồi đất số

2277/QĐ-UBND, Quyết định thu hồi 16,8m² đất tại thửa đất số 28(2), tờ bản đồ số 51 bản đồ giải thửa thị trấn V và Quyết định thu hồi đất bổ sung số 4932a/QĐ-UBND hộ gia đình ông Phạm Văn S bị thu hồi bổ sung diện tích 9,1m² đất tại thửa đất số 28(2), tờ bản đồ số 51 bản đồ giải thửa thị trấn V. Ngoài ra Ủy ban nhân dân huyện V còn ban hành Quyết định thu hồi đất số 4939a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 thu hồi 33,85m² đất hành lang giao thông, đất công trình giao thông do UBND thị trấn V quản lý trong đó có 16,6m² đất do hộ ông Phạm Văn S sử dụng. Theo Mảnh trích đo địa chính tỉ lệ 1/500 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 02/6/2022, hộ ông Phạm Văn S thu hồi 25,9 m² đất, trong đó có 21,7m² đất ở đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 254017, ngày 31/7/2012 cho ông Phạm Văn S và vợ là bà Phạm Thị L, diện tích 4,2m² đất là ngõ đi có nguồn gốc là đất thổ cư của ông S sử dụng từ trước ngày 15/10/1993. Ngoài ra do hộ ông S đang sử dụng diện tích 16,6m² là đất hành lang giao thông do ông Phạm Văn S tự khoanh bao sử dụng sau thời điểm tách thửa năm 2012, UBND thị trấn V không giao, không cho thuê, không thu tiền sử dụng.

[3.1.3] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất bị thu hồi: Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thị trấn V và hồ sơ quản lý đất đang được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân huyện V thể hiện đất thổ cư của gia đình ông Phạm Văn S có nguồn gốc sử dụng trước ngày 15/10/1993. Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1995 được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân thị trấn V thể hiện toàn bộ diện tích đất kê khai mang tên ông Phạm Văn S có vị trí tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 51 có diện tích là 667,0m². Ngày 01/7/1997 Ủy ban nhân dân huyện V đã cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn S được quyền sử dụng 667m² đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 51, trong đó có 200m² đất ở, 467m² đất vườn. Ngày 20/02/2012 vợ chồng ông Phạm Văn S và bà Trần Thị L đã tặng cho con gái là Phạm Thị M quyền sử dụng 113,0m² đất trong đó có 50m² đất ở, và 63m² đất vườn. Ngày 31/7/2012 ông S và vợ là bà Trần Thị L được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 254017, tại thửa đất số 28 (2), tờ bản đồ số 51, diện tích 545,3m² trong đó đất ở 150m² và đất vườn 395,3m².

[3.1.4] Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phạm Văn S và bà Trần Thị L năm 1997, tại trang trích đo Bình đồ hiện trạng thửa đất có thể hiện sơ đồ vị trí đất được cấp giấy chứng nhận trong đó có thể hiện thông tin phân đất có ký hiệu Hg (đất bằng chưa sử dụng) và tại Hợp đồng tặng cho

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ông S bà L cho con gái là Phạm Thị M có xác định mốc giới phía Nam giáp đất công dài 4,0m. Hộ ông S sử dụng diện tích đất này mà không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, cho thuê và cũng không bị thu tiền sử dụng đất. Ngoài ra ông S cũng không có tài liệu nào chứng minh mình là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 16,6 m² đất. Vì vậy việc Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định thu hồi đất số 4939a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 thu hồi diện tích 33,85m² đất hành lang giao thông, đất công trình giao thông do UBND thị trấn V quản lý trong đó ông Phạm Văn S đang khoanh bao sử dụng diện tích 16,6m² là có căn cứ.

[3.1.5] Trên cơ sở quyết định thu hồi đất UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 2277/QĐ-UBND (kèm theo là tổng hợp phương án bồi thường trong đó có hộ ông S) theo phương án trên hộ ông S được bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất. Ngày 23/10/2023, UBND huyện V ban hành Quyết định số 4932a/QĐ-UBND về việc thu hồi đất bổ sung thực hiện Dự án, cùng ngày UBND huyện V ban hành Quyết định số 4931a/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm theo tổng hợp phương án bổ sung của hộ ông S) là đúng thẩm quyền và thời hạn ban hành quyết định theo quy định tại Điều 66 và Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

[3.1.6] Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1995 thể hiện diện tích 16,6 m² đất ông S yêu cầu được bồi thường có vị trí tại thửa số 39, tờ bản đồ số 51 có diện tích là 30m², tên chủ sử dụng đất là tập thể. Do đó, UBND huyện V xác định diện tích 4,2m² đất ngõ bị thu hồi có nguồn gốc đất thổ cư của ông Phạm Văn S sử dụng trước năm 1993 và đã căn cứ khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để bồi thường, hỗ trợ diện tích 4,2m² đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác định diện tích 16,6m² đất ông Phạm Văn S đang sử dụng có nguồn gốc là đất công do hộ ông S tự khoanh bao sử dụng sau khi tách thửa năm 2012 cho đến nay không được bồi thường là đúng quy định của pháp luật.

[3.1.7] Phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung Quyết định số 4931a/QĐ-UBND thì tổng số tiền hộ ông Phạm Văn S được bồi thường, hỗ trợ là 208.304.000 đồng và Tổng hợp với phương án bổ sung ngày 23/10/2023, trong đó số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là $(16,8 \text{ m}^2 + 9,1 \text{ m}^2) \times 8.329.000 \text{ đồng/m}^2 = 215.721.100 \text{ đồng}$, bồi thường về vật kiến trúc là 69.409.000 đồng, hỗ trợ bồi thường về cây trồng là 1.348.000 đồng. Hộ ông S đã nhận tiền và bàn giao mặt

bằng.

[3.1.8] UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Phát triển Khu dân cư tại thị trấn V (giá đất cụ thể được tính dựa trên cơ sở Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố là $5.210.000 \text{ đ/m}^2$ x hệ số điều chỉnh 1,6 để ra giá đất cụ thể là 8.329.000 đồng). Căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ ông S thuộc vị trí 4 tuyến Quốc lộ 10 đoạn đường từ Cầu Tây đến Trạm Y tế thị trấn V tại Quyết định số 996 với giá đất bồi thường là $8.329.000 \text{ đ/m}^2$. Ông S yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh B phải áp dụng giá đất bồi thường cho ông S là 80% của $39.000.000 \text{ đồng/m}^2$ giá đất giao dịch ngoài thị trường do ông S đưa ra là không có cơ sở chấp nhận.

[3.1.9] Việc ông S cho rằng không nhận được các Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là không có cơ sở vì theo danh sách ký nhận phương án bồi thường, hỗ trợ, quyết định thu hồi đất, ông S đã nhận được ngày 17/5/2023. Ngoài ra, các quyết định còn được niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn V, nhà văn hóa, địa điểm sinh hoạt khu dân cư.

[3.2] Về Quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất, vận động bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông Phạm Văn S không chấp hành. Ngày 29/8/2023 Ủy ban nhân dân huyện V ban hành Quyết định số 4080/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn S do không tự nguyện bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thực hiện Dự án. Từ khi ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho đến khi tiến hành cưỡng chế Ủy ban nhân dân huyện V đã thực hiện đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 của Luật đất đai năm 2013.

[3.3] Do ông Phạm Văn S có đơn khiếu nại, ngày 16/10/2023 UBND huyện V đã ban hành thông báo số 1192/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; ngày 08/11/2023 UBND huyện V ban hành Quyết định số 4790/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại nhưng ông S cho rằng giá đất bồi thường thấp và không bồi thường diện tích $16,6 \text{ m}^2$ đất tăng thêm nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định. Ngày 29/12/2023, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết

định số 7391/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông S là đảm bảo về trình tự, thủ tục thẩm quyền theo Điều 18 và Điều 31 Luật khiếu nại.

[3.4] Tại Quyết định số 7391/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V có nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông Phạm Văn S với nội dung: “Giữ nguyên các Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023; Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND huyện V về việc cưỡng chế thu hồi đất”. Xét về nguồn gốc sử dụng đất và các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 2275/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 và Quyết định số 4931a/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 như đã phân tích ở trên đủ căn cứ khẳng định việc Chủ tịch UBND huyện V không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Văn S là có cơ sở.

[4] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn S là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện và quyết định hành chính có liên quan, đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện (ông Phạm Văn S) và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện (ông Phạm Văn S) không được chấp nhận nhưng ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Văn S và giữ nguyên quyết định của Bản án số 77/2024/HC-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phạm Văn S.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/4/2025.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND-VKSND-Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự, (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng